

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HS-ST

Ngày 25-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GT, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Phước Lộc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Minh Thông; Ông Nguyễn Hồng Kông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GT tham gia phiên tòa:

Ông Hà Duy Phúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/3/2023 và ngày 25/4/2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 11 N 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 N 2023 đối với bị cáo: Nguyễn Văn N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982 tại GT – Kiên Giang.

Nơi cư trú: ấp Ê, xã Đ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã H, huyện GT, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Dân và bà Lê Thị Nhỏ; có vợ và 03 con; tiền án: Ngày 26/7/2019 bị Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm theo bản án số 07/2019/HS-ST, ngày 26/7/2019 xử phạt 01 N 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vô ý gây thương tích” theo điểm b khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, thời hạn chấp hành án tính từ ngày 26/7/2019 đến ngày 26/02/2021 bị cáo chấp hành xong án phạt tù. Hiện bị cáo chưa được xóa án tích; tiền sự: không; nhân thân: xấu; bị bắt, tạm giam ngày 04/8/2022 và đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện GT theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 03/LB-CQĐT ngày 02/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GT, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- Bị hại: Phạm Tiến S, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 9, xã Q, huyện S, tỉnh Ninh Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Phan Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:* Nguyễn Ngọc T, Trần Thị Thúy H2, Nguyễn Thị T2.(tất cả đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo cáo trạng số 16/CT-VKSGT ngày 16/ 11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện GT đã truy tố bị cáo về hành vi sau:

Ngày 06/3/2022, bị hại Phạm Tiến S có cho bị cáo Nguyễn Văn N vay số tiền 3.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng với tổng số tiền phải trả là 3.750.000 đồng và N có đưa căn cước công dân của mình để thế chấp cho S. N trả được 05 ngày thì không trả tiền cho S nên ngày 19/3/2022 S gọi điện cho N yêu cầu trả tiền thì N hẹn S đến chợ Ê, thuộc ấp Ê, xã Đ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang để trả hết số tiền còn lại cho S. Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 21/3/2022 S cùng với Nguyễn Ngọc T (sinh năm 1998) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P4.135.91 hiệu YAMAHA SIRIUS màu trắng đen đến nơi hẹn và gọi điện cho N để lấy tiền. Sau đó, N điều khiển xe mô tô (không rõ biển kiểm soát) cùng Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị G đến đoạn đường quốc lộ N1 trước nhà bà Trần Thị Thúy H2 tại chợ Ê thì N dừng xe lại, sau đó N núp khu vực phía trước nhà bà H2 còn Kiệt và G đi đến gặp S và T đang ngồi trên xe để nói chuyện, G yêu cầu S trả lại căn cước công dân cho N nhưng S không đồng ý nên hai bên xảy ra cự cãi. Thấy hai bên xảy ra mâu thuẫn, N đi đến đánh S nên S và T bỏ chạy về hướng cầu Cống Cả thoát thân để lại xe mô tô biển kiểm soát 83P4 - 135.91 lại hiện trường. Sau khi đuổi đánh S và T bỏ chạy N quay trở lại hiện trường thấy xe mô tô của S đang đậu và chìa khóa còn gắn trên xe nên N nói với Kiệt, G là “*Lấy xe của nó luôn*” rồi N lên xe điều khiển rời khỏi hiện trường. N điều khiển xe đến nhà chị ruột là Nguyễn Thị T2 tại khu phố Hòa Lập, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang nhưng tại đây chị T2 không cho ở nhờ nên N đem xe mô tô đến gặp Phan Văn H ở khu phố Hòa Lập nói dối xe của mình và bán cho anh H với giá 3.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Riêng S và T sau khi bị N rượt đánh thì khoảng 20 phút sau có quay lại hiện trường để tìm xe nhưng không thấy, nên trình báo sự

việc đến Công an xã Đ (Bút lục 07 đến 17, 100 đến 129, 151, 152, 157 đến 162, 172, 173).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG, ngày 25/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 83P4-135.91, số loại SIRIUS FI màu sơn trắng - đen, số máy E3T6E399912, số khung RLCUE1720KY058335 giá trị tài sản còn lại 6.000.000 đồng (Bút lục 55, 56).

* Vật chứng vụ án: 01 (một) mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 83P4-135.91, số loại SIRIUS FI màu sơn trắng - đen, số máy E3T6E399912, số khung RLCUE1720KY058335, kèm theo giấy đăng ký số 269327. Hiện đã trả lại cho anh Phạm Tiến S (Bút lục 23, 66, 67, 153).

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo N đã bồi thường thiệt hại cho anh Phan Văn H số tiền 3.500.000 đồng (Bút lục 152).

Tại Tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX cụ thể như sau:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “cướp tài sản”

Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự N 2015; Điều 38; khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường nên miễn xét.

Về vật chứng: Đã trao trả lại cho chủ sở hữu nên miễn xét.

Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35, Điều 37 và Điều 58 Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp pháp. Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an huyện GT, Điều tra viên;

Viện Kiểm sát nhân dân huyện GT, Kiểm sát viên thu thập; Các tài liệu, chứng cứ do người tham gia tố tụng cung cấp đều phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về chứng cứ. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng và được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với các tình tiết đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội “cướp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nêu: “1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

.....”

[3] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi của bị cáo:

Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải áp dụng một mức án tương xứng với tính chất hành vi mà của bị cáo đã gây ra nhằm có đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về nhân thân: Ngày 26/7/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm theo bản án số 07/2019/HS-ST về tội “Vô ý gây thương tích” theo điểm b khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự hình phạt 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành án tính từ ngày 26/7/2019 đến ngày 26/02/2021 bị cáo chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên bị cáo có nhân thân xấu.

Tính tiết tăng nặng: Bị cáo chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội do cố ý nên đã tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bồi thường thiệt hại cho anh

Phan Văn H số tiền 3.500.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận tiền bồi thường không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường nên HĐXX không xét.

[6] Các biện pháp tư pháp: Vật chứng đã trao trả lại cho bị hại nên HĐXX không xét.

[7] Về án phí: Do bị cáo phạm tội nên phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 38, Điều 46, Điều 48, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53, khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Cướp tài sản”

[2] Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N **03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 04/8/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[3] Biện pháp tư pháp: Vật chứng đã trao trả lại cho bị hại nên không xét.

[4] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận tiền bồi thường không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện GT;
- Công an tỉnh Kiên Giang (PV27);
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cơ quan CSĐT, CA huyện GT;
- Chi cục THADS huyện GT;
- Bị cáo, Những người TGTT;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Phước Lộc